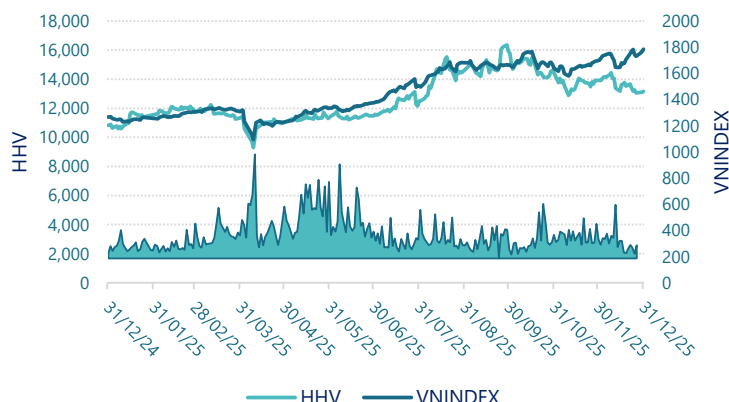


CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HSX: HHV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,355
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,299
SL cổ phiếu LH	547,176,303
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,359,750
% sở hữu nước ngoài	9.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,195
P/E	12.2
EPS	1,074

DT thuần

Q4/25

1,206

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 292| 31.9%

YoY: ▲ 196| 19.4%

LN sau thuế

Q4/25

202

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 50.0| 32.7%

YoY: ▲ 96.0| 90.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

44.3%

+/- YoY: ▲ 2.7%

DT thuần

2025

3,802

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 494| 14.9%

LN sau thuế

2025

678

tỷ VNĐ

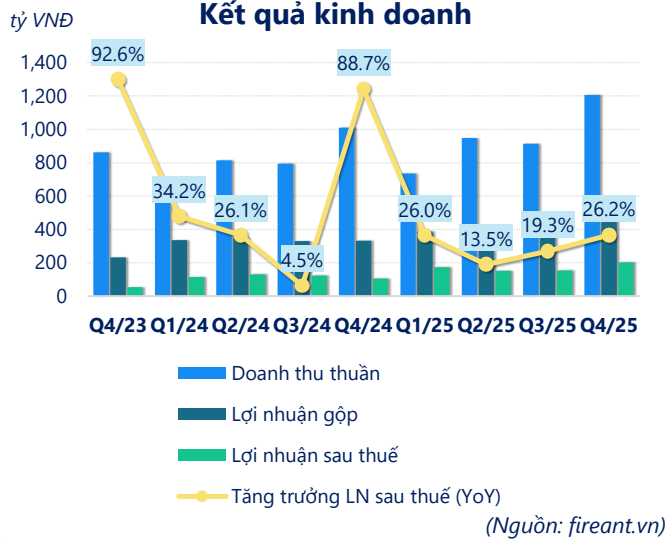
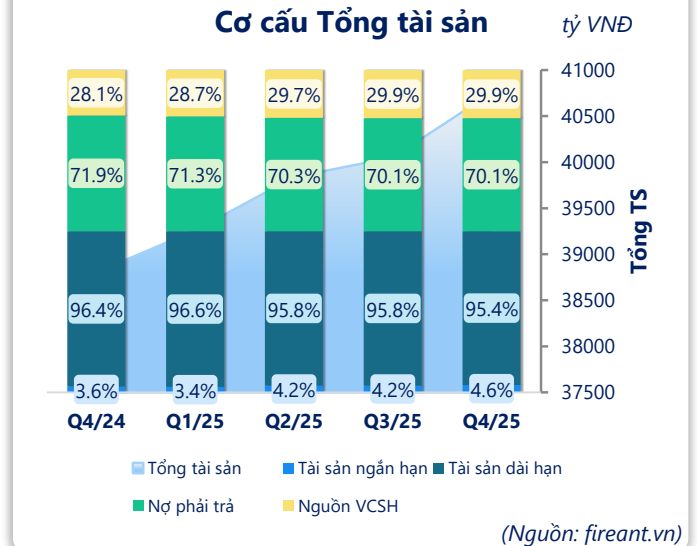
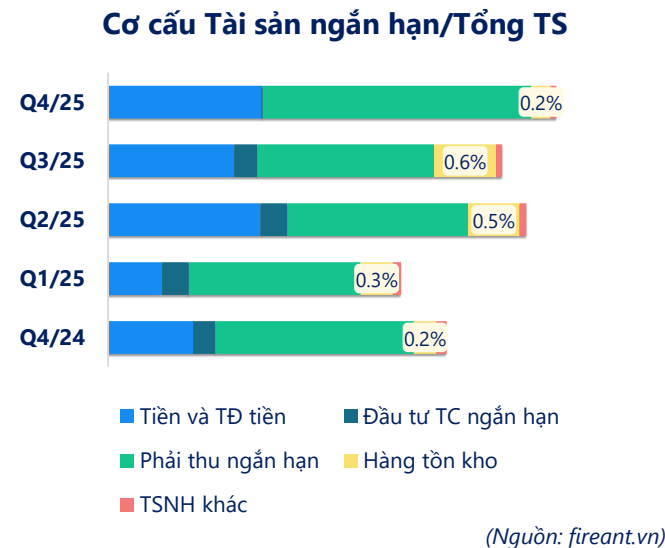
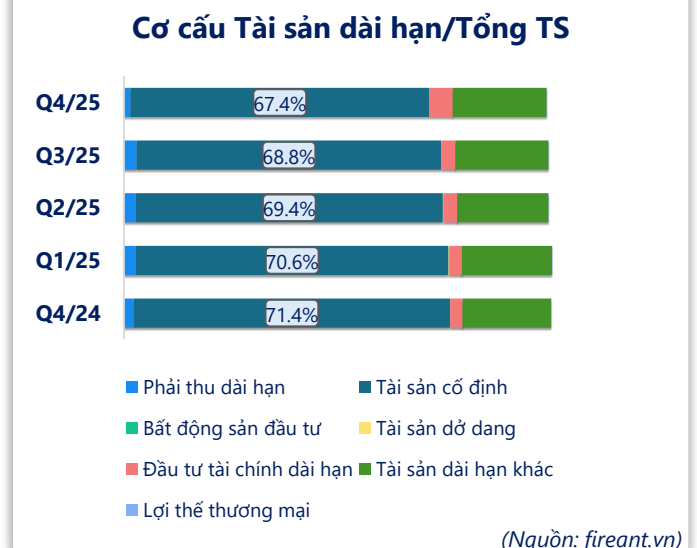
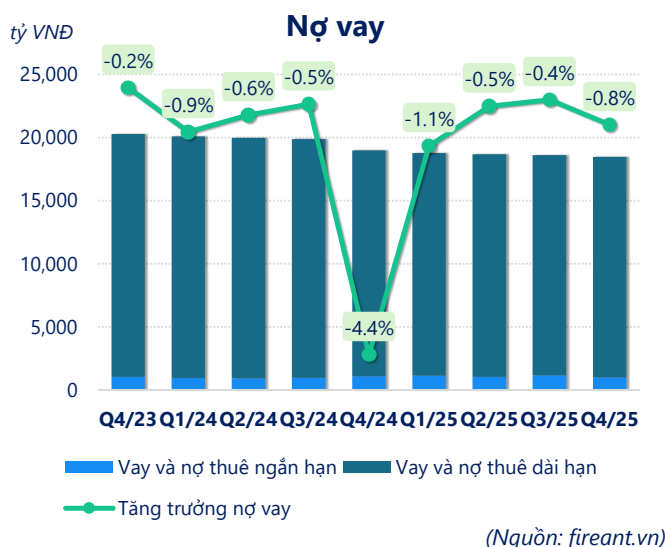
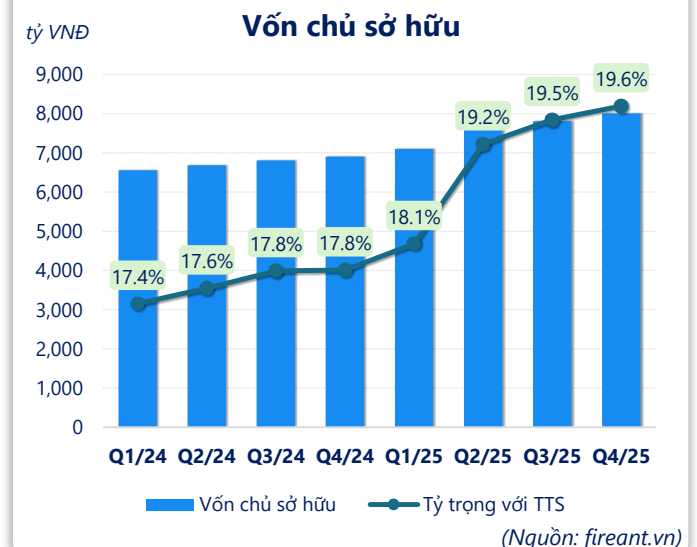
YoY: ▲ 183| 37.0%

ROE

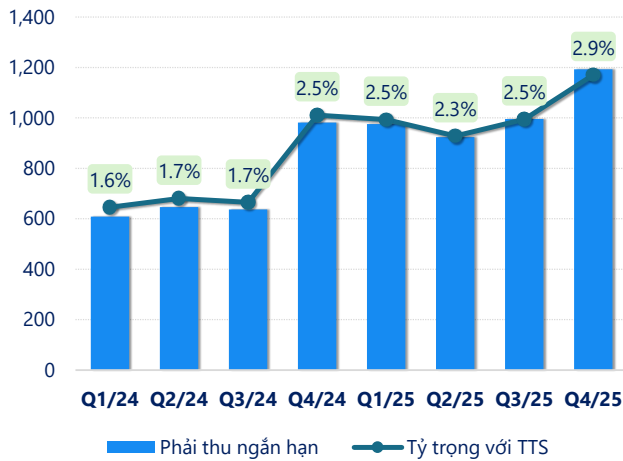
2025

7.9%

+/- YoY: ▲ 1.0%



tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


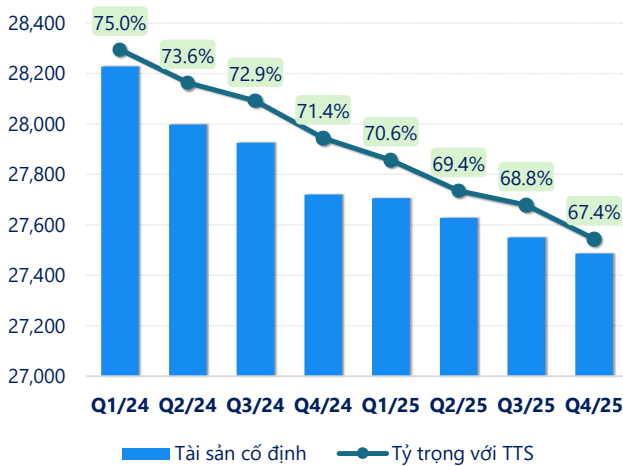
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

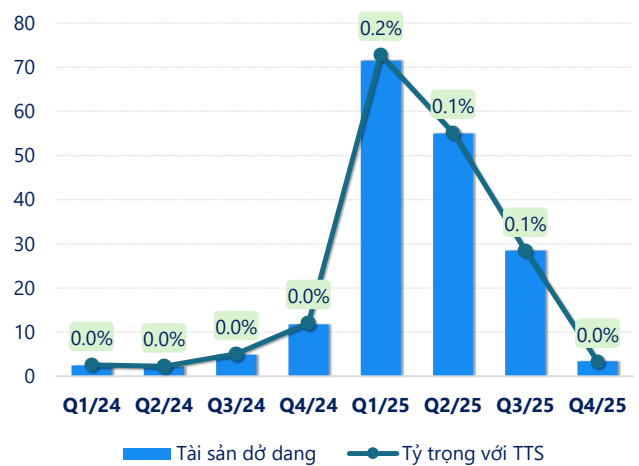

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

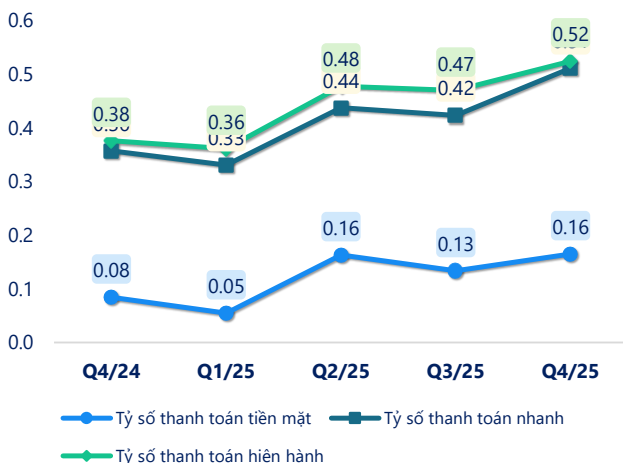
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

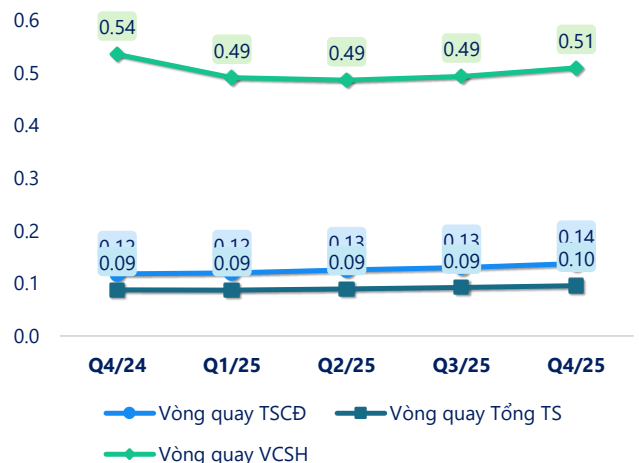
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	38,804	39,261	39,837	40,050	40,753
Tài sản ngắn hạn	1,388	1,319	1,671	1,671	1,865
Tiền và tương đương tiền	310	200	570	475	587
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	6.29	6.29	8.29	14.6
Phải thu ngắn hạn	981	975	924	996	1,193
Hàng tồn kho	69.7	112	139	165	46.2
Tài sản ngắn hạn khác	21.6	25.8	31.2	27.4	24.4
Tài sản dài hạn	37,416	37,942	38,166	38,379	38,889
Phải thu dài hạn	844	1,053	1,048	1,139	588
Tài sản cố định	27,721	27,705	27,628	27,550	27,486
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.7	71.5	55.0	28.5	3.38
Đầu tư tài chính dài hạn	1,065	1,104	1,212	1,224	2,159
Tài sản dài hạn khác	7,763	7,997	8,213	8,426	8,642
Lợi thế thương mại	11.7	11.0	10.4	9.82	9.21
Nợ phải trả	27,896	27,990	28,011	28,073	28,576
Nợ ngắn hạn	3,691	3,652	3,501	3,560	3,559
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,080	1,128	1,048	1,153	980
Phải trả người bán ngắn hạn	899	964	1,013	970	1,037
Nợ dài hạn	24,205	24,337	24,511	24,513	25,017
Vay và nợ thuê dài hạn	17,912	17,650	17,635	17,455	17,479
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,908	11,271	11,826	11,977	12,178
Vốn chủ sở hữu	6,900	7,098	7,652	7,804	8,005
Vốn điều lệ	4,323	4,323	4,738	4,974	4,974
Kinh phí và quỹ khác	4,008	4,173	4,173	4,173	4,173

(Nguồn: fireant.vn)